TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/DS-ST.
Ngày: 23-03-2023.
Về việc:"Tranh chấp quyền sử dụng đất và Thừa kế về tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Ngọc Lân.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1, Bà Nguyễn Thị Mai.
2, Ông Hoàng Hướng Dương.

Thư ký phiên tòa: Ông Thịnh Quang Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2021, về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và Thừa kế về tài sản"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2022/QĐHPT-ST ngày 19 tháng 10 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử bổ sung số: 67^{A}/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 10 năm 2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 21/2022/TB-TA ngày 28 tháng 11 năm 2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 23/2022/TB-TA ngày 12 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐHPT-ST ngày 17 tháng 01 năm 2023; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2023/TB-TA ngày 30 tháng 01 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2023/QĐHPT-ST ngày 14 tháng 02 năm 2022 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 25/2023/TB-TA ngày 15 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1954; Nơi thường trú: Thôn H, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: Số x, phố Đ, phường ĐG, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Dân*: Ông Vũ Khắc H - Luật sư của Văn phòng Luật sư ĐHT, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ: Số y, Tổ z, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1953; Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Bà Nguyễn

Thị Th, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1. Bà Trần Thị D, sinh năm 1951; Địa chỉ: Số.., đường NgT, phường ĐG, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

4.2. Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1985 (*Là con ông D, bà D*); Địa chỉ: Số …, đường NgT, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

4.3. Chị Nguyễn Thu Ph, sinh năm 1989 (*Là con ông D, bà D*); Địa chỉ: Số …., đường NgT, phường ĐG, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

4.4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954 (*Là vợ ông Nh*); Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

4.5. Ông Nguyễn Văn Nh1, sinh năm 1977 (*Là con ông Nh, bà H*); Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

4.6. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 (*Là vợ ông Nh1*); Trú tại địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

4.7. Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1997 (*Là con ông Nh1, bà L*); Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

4.8. Anh Nguyễn Văn Nh2, sinh năm 2003 (*Là con ông Nh1, bà L*); Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

4.9. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1980 (*Là con ông Nh, bà H*); Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

4.10. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982 (*Là vợ ông B*); Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

4.11. Cháu Nguyễn Văn Nh3, sinh năm 2003 (*Là con ông Nh1, bà L*); Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

4.12. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1947; Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

4.13. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

4.14. Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn G, xã L, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- *Có mặt*: Ông D, ông Nh1 và Luật sư H.

- *Vắng mặt*: Ông Nh, bà Th, ông Q, bà H, bà L, ông B, bà L, anh Nh, chị Ph, bà D, chị Lan A, chị Ph, ông Ch và ông Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 08 tháng 06 năm 2021 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn trong vụ án là ông Nguyễn Xuân D trình bày:

Bố đẻ ông là cụ Nguyễn Văn T (đã chết năm 1991) và mẹ đẻ ông là cụ Chu Thị L (đã chết năm 2015), ở thôn H, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội có 04 người con chung, lần lượt là: Ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn Nh, ông và bà Nguyễn Thị Th. Ngoài ra, bố mẹ ông không có người con riêng, con nuôi nào khác.

Khi còn sống, bố mẹ ông có 03 thửa đất ở tại thôn H, xã V. Trong đó, có 01 thửa ở vị trí trong xóm rộng 223m^2 là của ông cha để lại, hiện đang do gia đình ông

Q là con trai trưởng của hai cụ quản lý, sử dụng. Hai thửa đất số 145 và 56 có vị trí liền kề nhau ở ven làng, nguyên là của ông bà ngoại ông là cụ Chu Đức Th và cụ Nguyễn Thị C cho bố mẹ ông sử dụng từ những năm 1960, có diện tích 288m^2 và một phần do bố mẹ ông mua thửa ao của gia đình bà Bồi ở cùng thôn.

Quá trình sử dụng 02 thửa đất trên, năm 1970 bố mẹ ông làm 01 ngôi nhà cấp 4 tại vị trí hết đất về phía tây bắc ngoảnh hướng đông để ở cùng các con, phần còn lại sử dụng làm vườn trồng rau. Năm 1976, bố mẹ ông có mua được 01 thửa đất ao liền kề về phía nam, hai cụ làm ngôi nhà cấp 4 trên phần đất vườn liền kề với đầu hồi phía nam ngôi nhà cũ và cùng ngoảnh về hướng đông. Sau khi ông Nh lấy vợ là bà H, được 02 cụ cho ở riêng tại ngôi nhà cũ, cụ T chuyển về ở cùng gia đình ông Q ở trong xóm, còn cụ L tách ra ở một mình tại ngôi nhà mới xây vì khi đó ông đi bộ đội không có nhà.

Năm 1981, ông xuất ngũ về địa phương và ở cùng với cụ L một thời gian thì ông đi làm công nhân ở bên huyện GL. Năm 1985, ông xây dựng gia đình với bà Trần Thị D và sinh sống ở GL, nhưng thỉnh thoảng gia đình ông vẫn về ở ít ngày cùng với cụ L. Bà Th lấy chồng ở cùng thôn và chuyển về ở tại nhà chồng.

Khi còn sống, bố mẹ ông đã phân chia bằng miệng cho các con trai mỗi người 01 thửa đất như trên. Ranh giới của 02 thửa đất số 145 và số 56 là đầu hồi phía bắc của ngôi nhà hướng đông cụ L ở. Theo bản đồ 299 lập năm 1986, thửa đất số 56 của ông Nh có diện tích là 170m^2, thửa đất số 145 cụ L ở và cho ông có diện tích là 209m^2. Theo bản đồ so vẽ năm 1996 thì thửa số 56 của gia đình ông Nh được đổi thành thửa số 135, tờ bản đồ số 3, diện tích 144m^2; Thửa số 145 của ông được đổi thành thửa số 136, tờ bản đồ số 3, diện tích 230m^2.

Năm 2004, ông làm hồ sơ đăng ký kê khai và được Uỷ ban nhân dân huyện Đông Anh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 524253 ngày 21 tháng 06 năm 2004 đứng tên ông là chủ hộ sử dụng đối với thửa đất số 136, tờ bản đồ số 3, diện tích 230m^2. Quá trình quản lý, sử dụng đất, ông cho ông Nguyễn Văn Chiến ở cùng thôn H, xã V và ông Đỗ Văn Đ quê ở thôn GT, xã L thuê làm xưởng sản xuất, chế biến đồ gỗ.

Năm 2005, gia đình ông Nhận được Uỷ ban nhân dân huyện Đông Anh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 419611 ngày 21 tháng 06 năm 2004 đứng tên ông Nhận là chủ hộ sử dụng đối với thửa đất số 135, tờ bản đồ số 3, diện tích 144m^2.

Sau khi anh Nh1 và anh B lấy vợ, gia đình ông Nh cho anh B sử dụng vị trí phía bắc thửa đất giáp nhà ông H, vợ chồng ông cùng gia đình anh Nh1 sử dụng vị trí phía nam thửa đất số 135 giáp với thửa đất số 136 của ông. Gia đình ông Nh anh Nh1 làm 01 ngôi nhà 03 tầng về phía nam thửa đất, đồng thời làm 01 sân láng xi măng phía trên làm khung sắt mái tôn lấn sang thửa đất số 136 của ông. Khi ông đo đạc, kiểm tra hiện trạng đất thì phát hiện gia đình ông Nh sử dụng tổng cộng diện tích là 192,8m^2 đất, lấn sang thửa đất của ông với diện tích là 20,4m^2, hai bên không dàn xếp, hòa giải được với nhau và xảy ra tranh chấp. Năm 2015, ông đã làm đơn gửi ra Uỷ ban nhân dân xã V để giải quyết và hòa giải nhưng không thành, buộc ông phải làm đơn khởi kiện đến Toà án giải quyết từ năm 2019 cho đến nay.

Nay ông đề nghị Toà án giải quyết: Buộc gia đình ông Nguyễn Văn Nh trả cho ông diện tích 20,4m^2 đất đã lấn chiếm để ông được sử dụng đúng với diện tích bố mẹ ông cho và Nhà nước công nhận năm 2004 trên Giấy chứng nhận.

- Bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Văn Nh không nộp (gửi) cho Toà án văn bản ý kiến về việc bị khởi kiện nhưng có con trai là ông Nguyễn Văn Nh1 đại diện. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, ông Nh1 trình bày: Ông công nhận lời khai của ông D về hoàn cảnh gia đình, thời gian cụ Nguyễn Văn T và cụ Chu Thị L chết cũng như tài sản của các cụ để lại là 03 thửa đất mà 03 gia đình ông Quyên, ông Nh và ông D sử dụng như hiện nay. Ông Nh1 khai thêm: Theo kết quả giải quyết của Thanh tra huyện Đông Anh tại Văn bản số 01/TT-XKT ngày 20 tháng 02 năm 1995 đối với tranh chấp đất giữa ông Chu Đức H và bà Chu Thị L thì: Năm 1986, Uỷ ban nhân dân xã V thực hiện Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ lập sơ đồ 299 của xã, phần đất của gia đình bà L đã được hai con trai của bà đứng tên: Ông Nguyễn Văn Nh sử dụng số thửa 56 diện tích 170m^2; Ông Nguyễn Xuân D sử dụng số thửa 145 diện tích 209m^2. Việc ông D tự ý kê khai sử dụng thửa đất có diện tích 230m^2 là không đúng với hiện trạng sử dụng đất của hai bên và bố mẹ chưa nói cho ông D đất bao giờ. Vì vậy, gia đình ông Nh không chấp nhận yêu cầu đòi đất của ông D.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà xác định 02 thửa đất hiện đang do hai gia đình ông Nh và ông D sử dụng và có tranh chấp cùng với thửa đất của gia đình ông Q đang ở tại thôn H, xã V là tài sản chung của cụ T, cụ L là bố mẹ bà và các ông Q, Nh, D để lại. Các cụ chết không để lại di chúc về tài sản, thừa kế chưa chia nên bà yêu cầu Toà án chia thừa kế theo pháp luật cho 04 anh em cùng hưởng. Phần của bà được chia bao nhiêu, bà tự nguyện cho ông Nh hưởng cả.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

1/ Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Nh1, bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Ph, anh Nguyễn Văn Nh3, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị L cùng thống nhất với lời khai và quan điểm của ông Nguyễn Văn Nh nêu trên, không chấp nhận yêu cầu đòi đất của ông Nguyễn Xuân D.

2/ Bà Trần Thị D, chị Nguyễn Thị Lan A và chị Nguyễn Thu Ph không gửi (nộp) văn bản ý kiến về việc ông Nguyễn Xuân D khởi kiện tranh chấp đất đối với gia đình ông Nguyễn Văn Nh, không tham gia vào toàn bộ quá trình giải quyết và xét xử vụ án của Toà án.

3/ Ông Nguyễn Văn Q khai xác định: Ông nhất trí với lời khai của ông D, ông Nh về quan hệ hôn nhân, huyết thống của bố mẹ ông. Công nhận tài sản của bố mẹ ông để lại là 03 thửa đất gia đình ông, ông Nh và ông D đang quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, khi còn sống, bố mẹ ông đã phân chia nhà, đất cho ba anh em ông sử dụng như hiện nay. Ông là con trưởng nên được chia thửa đất của bên nội, gia đình ông đã được Uỷ ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1997 đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 3, diện tích 223m^2, thôn H, xã V. Thửa đất có vị trí: Phía bắc và phía nam đều giáp đường đi; Phía đông giáp đất nhà ông Ch; Phía tây giáp đất nhà ông B.

Ngày 11 tháng 05 năm 2015, các thành viên trong gia đình ông đã công chứng cho tặng ông toàn bộ thửa đất. Ngày 18 tháng 06 năm 2015, ông đã cho tặng toàn bộ thửa đất cho con trai cả của ông là ông Nguyễn Văn Q1 sử dụng. Do đó, thửa đất không còn là di sản thừa kế của bố mẹ ông nữa. Đối với 02 thửa đất hiện hai gia đình ông D và ông Nh đang tranh chấp thì ông đã khuyên bảo các em, các cháu nhiều rồi nhưng không ai chịu nghe nên ông đề nghị Toà án giải quyết yêu cầu của hai bên theo quy định của pháp luật.

4/ Ông Đỗ Văn Đ và ông Nguyễn Văn Ch là 02 người thuê đất của ông Nguyễn Xuân D cùng có quan điểm giữa các ông và ông D có thoả thuận miệng cho nhau thuê diện tích đất ông D có để làm xưởng sản xuất đồ gỗ. Trường hợp ông D phải trả đất cho người khác thì 02 ông tự nguyện tháo dỡ nhà xưởng đi nơi khác để trả lại đất cho chủ sử dụng. Giữa các ông và ông D không tranh chấp về hợp đồng thuê đất và tài sản nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân D trình bày: Sau khi được Tòa án giải thích và hòa giải, để giữ tình cảm tổng nội bộ gia đình ông đồng ý cho gia đình ông Nh sử dụng một phần diện tích của thửa đất số 136 của gia đình ông mà gia đình ông Nh đang sử dụng với kích thước mặt đường rộng 2m tính từ mép ngoài móng nhà 03 tầng của gia đình ông Nh chạy thẳng về phía tây hết đất, đồng thời, đề nghị Toà án xác định lại diện tích và ranh giới đất của hai bên theo thỏa thuận, trong đó: Gia đình ông sử dụng 191,5m^2, gia đình ông Nh sử dụng 182,5m^2 để làm căn cứ điều chỉnh lại diện tích ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai bên cho phù hợp. Hai bên tự tháo dỡ phần công trình, tài sản của mình có trên đất của nhau để trả lại mặt bằng đất cho hai bên sử dụng mà không phải thanh toán cho nhau giá trị quyền sử dụng diện tích và chi phí cho việc tháo dỡ, di rời tài sản.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn Nh1 trình bày: Gia đình ông hoàn toàn nhất trí với ý kiến của ông Nguyễn Xuân D về việc xác định lại ranh giới và điều chỉnh diện tích đất của hai bên đang quản lý, sử dụng cũng như tự tháo dỡ, di rời tài sản có trên đất của nhau mà không có yêu cầu gì khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Xuân D là Luật sư Vũ Khắc H trình bày: Giữa nguyên đơn và toàn bộ các thành viên của gia đình bị đơn đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp như nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên đề nghị Toà án ghi nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện hoàn toàn đầy đủ các qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, thực hiện đúng các thông báo, quyết định tố tụng của Tòa án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Nguyễn Thị Th không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của người có yêu cầu độc lập đó là: Không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không nộp chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo Thông báo của Toà án thì coi như là từ bỏ yêu cầu độc lập; Bà Trần Thị D, chị Nguyễn Thị Lan A và

chị Nguyễn Thu Ph không chấp hành các Thông báo, Quyết định tố tụng của Toà án, không tham gia trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án của Toà án không có lý do; Ông Nguyễn Văn Nh, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Ph, anh Nguyễn Văn Nh3, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn Ch và ông Đỗ Văn Đ đều có đơn xin vắng mặt.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Các Điều: 26, 35, 39, 217 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Ghi nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa giữa nguyên đơn và gia đình bị đơn về việc phân chia ranh giới, mốc giới quyền sử sử dụng đất giữa hai bên.

- Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Th trong vụ án.

- Về án phí: Ông D và ông Nh đều là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Nguyên đơn trong vụ án là ông Nguyễn Xuân D khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất ranh giới được Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý và giải quyết theo quy định tại các Điều: 5, 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là đúng thẩm quyền. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Nguyễn Thị Th có đơn yêu cầu độc lập thừa kế về tài sản của cụ Nguyễn Văn T, cụ Chu Thị L để lại là các quyền sử dụng đất hiện đang do các gia đình ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn Nh và ông Nguyễn Xuân D quản lý, sử dụng có tại thôn H, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, Tòa án đã 02 lần giao Thông báo giao nộp chứng cứ và Thông báo nộp tiền chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định của pháp luật nhưng bà Th không thực hiện, được coi là bà Th từ bỏ yêu cầu độc lập. Do đó, Toà án không xét và giải quyết yêu cầu chia thừa kế về tài sản của bà Nguyễn Thị Th trong phạm vi vụ án này. Trường hợp giữa các bên có tranh chấp và có đơn khởi kiện sẽ được Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tham gia tố tụng của Uỷ ban nhân dân huyện Đông Anh trong vụ án: Do bà Nguyễn Thị Th từ bỏ yêu cầu độc lập về thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai gia đình ông D và ông Nh, nên Uỷ ban nhân dân huyện Đông Anh không phải là người tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Tòa án không giành quyền kháng cáo cho Uỷ ban nhân dân huyện Đông Anh là phù hợp.

- Quá trình giải quyết và xét xử vụ án: Bị đơn là ông Nguyễn Văn Nh không không tham gia toàn bộ quá trình tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có Văn bản ủy quyền hợp lệ cho con trai là ông Nguyễn Văn Nh1 đại diện và ông Nh1 đã tham gia đầy đủ quá trình tố tụng; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là:

Bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Ph, anh Nguyễn Văn Nh3, ông Đỗ Văn Đ và ông Nguyễn Văn Ch vắng mặt nhưng đều có đơn và lời khai xin vắng mặt; bà Trần Thị D chị Nguyễn Thị Lan A và chị Nguyễn Thu Ph không tham gia tố tụng và vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử vụ án không có lý do chính đáng mặc dù đã được tống đạt, triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào các Điều: 220, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử và dành quyền kháng cáo cho các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1. Về quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống:

Sinh thời, vợ cồng cụ Nguyễn Văn T, sinh năm 1923 (Đã chết năm 1991) và cụ Chu Thị L, sinh năm 1923 (Đã chết ngày 19/04/2014), ở: Thôn H, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội có 04 người con chung, lần lượt là:

- Ông Nguyễn Văn Q, có vợ là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1950. Ông Q, bà H đang ở cùng nhà với vợ chồng con trai là ông Nguyễn Văn Q1 bà Nguyễn Thị L và con ông Q1, bà L là cháu Nguyễn Văn Ph, tại thôn H, xã V.

- Ông Nguyễn Văn Nh có vợ là bà Nguyễn Thị H; Có 02 con trai là Nguyễn Văn Nh1 và Nguyễn Văn B. Ông Nh1 có vợ là Nguyễn Thị L, có 02 con đã thành niên là Nguyễn Thị Ph và Nguyễn Văn Nh. Ông B có vợ là Nguyễn Thị L, có 03 con đều còn nhỏ là: Nguyễn Văn B1, Nguyễn Thị M và Nguyễn Văn Ph.

- Ông Nguyễn Xuân D có vợ là bà Trần Thị D (đã ly hôn năm 2016), có 02 con là Nguyễn Thị Lan A và Nguyễn Thu Ph. Mẹ con bà D đang sinh sống ở phường ĐG, quận Long Biên, Hà Nội.

- Bà Nguyễn Thị Th, hiện đang ở nhà chồng tại thôn H, xã V.

Ngoài ra, cụ T và cụ L không có người con riêng, con nuôi nào khác.

[2.2]. Về tài sản tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án:

Sinh thời, vợ chồng cụ T cụ L có tài sản chung là:

- Quyền sử dụng 223m^2 có tại thửa đất số 74, tờ bản đồ số 3, thuộc địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Đông Anh, Hà Nội, nguồn gốc là của các cụ trong gia đình cụ T để lại. Thửa đất có vị trí: Phía bắc và phía nam đều giáp đường đi; Phía đông giáp đất nhà ông Ch; Phía tây giáp đất nhà ông bà B và nhà ông S. Hiện đang do gia đình ông Q là con trưởng của hai cụ quản lý, sử dụng.

- Quyền sử dụng 144m^2 có tại thửa đất số 135 và 230m^2 có tại thửa đất số 136, tờ bản đồ số 3, thuộc: Thôn H, xã V, huyện Đông Anh, Hà Nội. Nguồn gốc của 02 thửa đất có một phần là của cụ Chu Đức Th và cụ Nguyễn Thị C (Là bố mẹ đẻ cụ L), vợ chồng cụ T, cụ L đã sử dụng từ năm 1968 cùng với cụ C và một phần là do cụ T, cụ L mua thửa đất ao của gia đình bà B ở cùng thôn năm 1976. Sau khi cụ Th, cụ C chết thì gia đình cụ T, cụ L quản lý, sử dụng toàn bộ khu đất đó.

Toàn bộ khu vực đất tranh chấp có vị trí: Phía nam và phía đông đều giáp đường làng; Phía bắc giáp đất nhà ông Chu Đức H; Phía tây giáp đất nhà ông Chu Đức D.

Năm 1970, vợ chồng cụ T, cụ L làm 01 ngôi nhà ngói 04 gian trên thửa đất số 135 ở vị trí hết đất về phía tây bắc, ngoảnh về hướng đông và ở cùng các con là ông Nh, ông D và bà Th. Năm 1976, sau khi ông Nh lấy vợ là bà H thì các cụ cho vợ chồng ông Nh ở ngôi nhà này, làm mới 01 ngôi nhà ngói 04 gian liền kề và

cùng hướng với ngôi nhà cũ hết đất về phía tây (Trong khuôn viên thửa đất số 136) để cụ L ở riêng một mình cho đến khi chết năm 2015. Còn cụ T chuyển về ở với gia đình ông Q cho đến khi cụ chết năm 1991. Ông D lấy vợ là bà D và ở bên GL (nay thuộc quận Long Biên) cho đến nay.

Năm 2004, ông Nguyễn Xuân D làm hồ sơ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa 136, diện tích 230m^2 được Uỷ ban nhân dân huyện Đông Anh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất cho ông Dân đứng tên chủ hộ sử dụng ngày 21 tháng 06 năm 2004. Ông D cho ông Nguyễn Văn Ch và ông Đỗ Văn Đ thuê sử dụng làm xưởng gỗ từ đó đến nay.

Năm 2005, gia đình ông Nguyễn Văn Nh làm hồ sơ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa 135, diện tích 144m^2 được Uỷ ban nhân dân huyện Đông Anh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất cho ông Dân đứng tên chủ hộ sử dụng ngày 26 tháng 05 năm 2005. Gia đình ông Nh đã cho 02 con trai là ông Nh1, ông B mỗi người sử dụng một phần trong thửa đất số 135. Trong đó, ông B làm 01 xưởng khung sắt mái tôn để ở và sản xuất đồ gỗ tại vị trí phía bắc đất giáp nhà ông H. Phần đất phía nam, vợ chồng ông Nh, bà H và vợ chồng ông Nh1, bà L xây 01 ngôi 03 tầng để ở riêng, đồng thời sử dụng diện tích đất liền kề với thửa đất của ông D và hiện nay hai bên đang tranh chấp.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định: Tổng diện tích đất thực đo của hai gia đình ông Nh và ông D đang sử dụng là 391m^2. Trong đó: Gia đình ông D sử dụng 210,1m^2; Gia đình ông Nh sử dụng 180,9m^2.

- Tài sản có trên thửa đất số 136 của gia đình ông Nguyễn Xuân D trị giá:

+ 39,9m^2 nhà cấp 4 cụ T, cụ L làm năm 1976 : 9.089.200đ

+ 62m^2 xưởng phía bắc của ông Đỗ Văn Đ : 13.689.600đ

+ 108,2m^2 xưởng phía nam của ông Nguyễn Văn Ch : 23.890.500đ

Cộng: 46.669.300đ

(Bốn mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi chín ngàn, ba trăm đồng).

- Tài sản của gia đình ông Nguyễn Văn Nh có trên thửa đất số 135 và có trên 1 phần thửa đất số 136 của gia đình ông Nguyễn Xuân D trị giá:

+ 72,9m^2 xưởng mái tôn của gia đình ông B : 9.688.400đ

+ 227,4m^2 nhà 03 tầng của gia đình ông Nh, ông Nh1: 707.370.100đ

+ 32,2m^2 mái tôn của gia đình ông Nh, ông Nh1 : 7.110.000đ

Cộng: 724.168.500đ

(Bẩy trăm hai mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi tám ngàn, năm trăm đồng).

Đối chiếu kết quả đo đạc, thẩm định tại chỗ nêu trên so với diện tích ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Uỷ ban nhân dân huyện Đông Anh cấp cho 02 gia đình thì tổng diện tích của hai thửa đất vượt quá 17m^2.

Tại Biên bản thẩm tra, xác minh ngày 21 tháng 03 năm 2022 của Toà án, Uỷ ban nhân dân xã V có ý kiến: *"Căn cứ vào hồ sơ địa chính thửa đất nêu trên thì quyền sử dụng đất của gia đình ông Nguyễn Xuân D là thửa số 136, diện tích 230m^2; quyền sử dụng đất của gia đình ông Nguyễn Văn Nh là thửa số 135, diện tích 144m^2. Hai thửa đất của hai gia đình đều được Uỷ ban nhân dân huyện Đông Anh cấp giấy chứng nhận từ năm 2004-2005, đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế sử*

dụng đất hàng năm đầy đủ theo quy định. Quá trình lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận và giao giấy chứng nhận cho hai gia đình sử dụng từ đó đến trước năm 2016 (là thời điểm xảy ra tranh chấp), địa phương không nhận được bất cứ đơn thư khiếu nại thắc mắc nào. Gia đình ông Nh cũng đã xây dựng nhà ở kiên cố trên đất và sử dụng ổn định nhiều năm nay.

Trường hợp không có tài liệu, chứng cứ thể hiện việc bố mẹ ông D, ông Nh có giấy tờ phân chia sử dụng đất cho hai ông với diện tích đất khác với diện tích ghi trên bản đồ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp thì đề nghị Toà án căn cứ vào giấy chứng nhận để giải quyết tranh chấp đất giữa hai bên".

Như vậy, phạm vi quyền sử dụng đất tranh chấp giữa hai bên được xác định có diện tích tổng cộng là: 230m^2 + 144 m^2 = 374m^2. Đối với diện tích đất hiện trạng vượt quá so với diện tích ghi trong 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông D và gia đình ông Nh là 17m^2 thuộc quyền quản lý của tập thể và được xác định ở vị trí phía nam giáp với thửa đất số 136 của gia đình ông D.

[2.3]. Xét tranh chấp quyền sử dụng đất ranh giới giữa hai gia đình ông Nguyễn Xuân D và ông Nguyễn Văn Nh:

Diện tích đất ranh giới hai bên có tranh chấp được xác định ở vị trí liền kề với ngôi nhà 03 tầng gia đình ông Nh xây, đo hiện trạng là 44,8m^2, trị giá: 44,8m^2 x 40.000.000đ/1m^2 = 1.792.000.000đ (Một tỷ, bảy trăm chín mươi hai triệu đồng). Bao gồm: Phần đất phía đông giáp đường làng có nền láng xi măng phía trên có khung sắt, mái tôn do gia đình ông Nh làm năm 2011, diện tích 32,2m^2; Phần đất phía tây giáp đất nhà ông D có 01 gian nhà lợp ngói đã bị xuống cấp theo các đương sự khai là do cụ T, cụ L làm năm 1976 có diện tích 12,6m^2.

Ban đầu, ông D cho rằng gia đình ông Nh đã sử dụng lấn sang thửa đất số 136 của gia đình ông với diện tích là 20,4m^2 tại vị trí đất dọc theo móng tường ngôi nhà 03 tầng của gia đình ông Nh đã xây trên có mái tôn và nền láng xi măng tính từ hết cõi phía đông đất giáp đường làng chạy thẳng về phía tây giáp gian nhà cấp 4 do cụ L làm năm 1976, ông yêu cầu gia đình ông Nh trả cho gia đình ông diện tích đất này. Toàn bộ các thành viên trong gia đình ông Nh không chấp nhận với lý do khi còn sống vợ chồng cụ T, cụ L đã cho gia đình ông sử dụng thửa đất số 56, diện tích 170m^2 bao gồm cả phần đất này và theo kết quả giải quyết tranh chấp đất giữa hai gia đình cụ Chu Đức H và cụ Chu Thị Lg của Thanh tra huyện Đông Anh năm 1995.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 12 năm 2022, bà Nguyễn Thị Th khai: Mục đích bà có đơn yêu cầu độc lập về chia thừa kế tài sản của bố mẹ là cụ T, cụ L là để hai gia đình ông D và ông Nh hòa giải với nhau đối với diện tích đất giáp ranh giữa hai bên đang sử dụng. Bản thân bà là con gái đã đi lấy chồng nên bà cũng không muốn chia hưởng tài sản thừa kế của bố mẹ, vì làm như vậy sẽ mang tiếng với dân làng nên bà mới không thực hiện yêu cầu của Toà án về giao nộp chứng cứ và nộp tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản. Trường hợp hai gia đình ông D và ông Nh hoà giải, thương lượng được với nhau về sử dụng diện tích đất ranh giới đất đó thì bà cũng nhất trí.

Tại phiên toà, nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân D và ông Nguyễn Văn Nh1 nhận đại diện cho phía gia đình bị đơn đã thống nhất thoả thuận phân chia, xác định lại ranh giới, diện tích của 02 thửa đất số 135 và 136 để hai bên sử dụng và

làm cơ sở đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mỗi gia đình. Hai bên không phải thanh toán cho nhau tiền sử dụng đất và cùng có trách nhiệm tự tháo dỡ, di dời phần công trình, tài sản có trên đất để trả lại mặt bằng đất cho nhau sử dụng mà không phải bồi thường thiệt hại về tài sản.

Xét thoả thuận của hai gia đình ông Nguyễn Xuân D và ông Nguyễn Văn Nh nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, thể hiện quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định tại các Điều: 5, 73 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên ghi nhận.

Căn cứ vào hồ sơ kỹ thuật thửa đất xác định vị trí, kích thước các cạnh và diện tích đất tranh chấp, các bên thoả thuận về ranh giới và diện tích đất của mỗi bên như sau: Gia đình ông Nh sử dụng tổng cộng diện tích 182,5m^2, bao gồm: 144m^2 của thửa số 135 và 38,5m^2 có trong thửa số 136 của gia đình ông Nguyễn Xuân D; Gia đình ông Nguyễn Xuân D sử dụng diện tích 191,5m^2 đất còn lại của thửa số 136.

Hai gia đình ông Nguyễn Xuân D và ông Nguyễn Văn Nh đều có quyền tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất của mỗi bên theo quy định của pháp luật về đất đai.

[3]. Đối với diện tích 17m^2 đất gia đình ông Nguyễn Xuân D đang quản lý, sử dụng ở vị trí phía nam của thửa đất số 136 giáp đường làng (Hiện ông Nguyễn Văn Ch đang thuê sử dụng làm xưởng sản xuất đồ gỗ): Trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện chính sách quản lý về đất đai có thu hồi đất thì, ông Nguyễn Văn Ch có trách nhiệm tự phá dỡ, di dời tài sản có trên diện tích đất đó mà không được hỗ trợ, bồi thường thiệt hại về tài sản.

[4.]. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Th về chia thừa kế tài sản của vợ chồng cụ Nguyễn Văn T và cụ Chu Thị L. Trường hợp các bên có tranh chấp và có đơn khởi kiện, sẽ được Toà án giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[5]. Đối với hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa gia đình ông Nguyễn Xuân D với ông Đỗ Văn Đ và ông Nguyễn Văn Ch: Do các bên không có tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xét trong phạm vi vụ án này. Trường hợp các bên có tranh chấp và có đơn khởi kiện sẽ được Toà án giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; Điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì ông Nguyễn Xuân D, ông Nguyễn Văn Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng, nhưng ông D và ông Nh đều là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí phải chịu.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8]. Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Toà án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều: 175, 176 và 194 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 100 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Điều 5; Khoản 9 Điều 26 và các Điều: 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2014.

Xử:

1. Ghi nhận sự thoả thuận của gia đình ông Nguyễn Xuân D và gia đình ông Nguyễn Văn Nh về việc xác định lại ranh giới, mốc giới và diện tích đất của 02 thửa đất số 135 và 136, tờ bản đồ số 03, thôn H, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Cụ thể như sau:

- Gia đình ông Nguyễn Văn Nh sử dụng diện tích 182,5m^2 đất ở, bao gồm: 144m^2 đất có trong thửa số 135 và 38,5m^2 có trong thửa đất số 136, tờ bản đồ số 3, thuộc địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Gia đình ông Nguyễn Xuân D sử dụng 191,5m^2 đất có trong thửa đất số 136, tờ bản đồ số 3, thuộc địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2. Giao và làm ranh giới đất cho các bên như sau:

2.1. Giao cho gia đình ông Nguyễn Văn Nh sử dụng 182,5m^2 đất có trong thửa đất số 135 và thửa đất số 136, tờ bản đồ số 3, thuộc địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội có các cạnh: Cạnh phía bắc giáp đất nhà ông H tính từ hết cõi phía đông giáp đường làng kéo thẳng về phía tây dọc theo ranh giới đất giữa hai bên đến hết cõi giáp đất nhà ông D có kích thước 16,3m (điểm 1,2); Cạnh phía nam giáp đất của gia đình ông D tính từ điểm cắt đất phía đông giáp đường làng của gia đình ông D kéo thẳng về phía tây hết cõi giáp đất nhà ông D có kích thước 15,59m (điểm 4,10); Cạnh phía đông giáp đường làng tính từ hết cõi phía bắc giáp đất nhà ông H kéo xuống phía nam đến điểm cắt với đất của gia đình ông D có kích thước các đoạn là 4,50m và 6,87m (điểm 2,3,4); Cạnh phía tây giáp đất nhà ông D tính từ điểm hết cõi phía bắc giáp đất nhà ông H kéo xuống phía nam có kích thước các đoạn là: 4,45m và 6,85m (điểm 1,11,10). (Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,10,11,1).

2.2. Giao cho gia đình ông Nguyễn Xuân D sử dụng 191,5m^2 đất có trong thửa đất số 136, tờ bản đồ số 3, thuộc địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội có các cạnh: Cạnh phía bắc là đường ranh giới chung với đất của gia đình ông Nh có kích thước 15,95m (điểm 4,10); Cạnh phía nam giáp đất tập thể tính từ hết cõi đất phía đông giáp đường làng kéo thẳng về phía tây hết cõi giáp đất nhà ông D có kích thước 16,94m (điểm 6,7); Cạnh phía đông giáp đường làng tính từ điểm cắt đất của gia đình ông Nh kéo xuống phía nam có kích thước các đoạn: 6,33m và 4,42m (điểm 4,5,6); Cạnh phía tây giáp đất nhà ông D tính từ điểm cắt đất của gia đình ông Nh kéo xuống phía nam giáp đất tập thể có kích thước các

đoạn là: 6,86m + 3,17m và 5,53m (điểm 7,8,9,10) (Giới hạn bởi các điểm: 4,5,6,7,8,9,10,4).

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

3. Gia đình ông Nguyễn Văn Nh có trách nhiệm tự tháo dỡ, di dời phần khung mái tôn có trên đất của gia đình ông Nguyễn Xuân D để trả lại mặt bằng đất cho gia đình ông D sử dụng mà không được bồi thường thiệt hại về tài sản.

4. Gia đình ông Nguyễn Xuân D có trách nhiệm tự tháo dỡ, di dời gian nhà cấp 4 có trên đất của gia đình ông Nguyễn Văn Nh để trả lại mặt bằng đất cho gia đình ông Nh sử dụng mà không được bồi thường thiệt hại về tài sản.

5. Gia đình ông Nguyễn Xuân D và gia đình ông Nguyễn Văn Nh có quyền tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo bản án theo quy định của pháp luật về đất đai.

6. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Th về yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Văn T và cụ Chu Thị L. Trường hợp các bên có tranh chấp và có đơn khởi kiện sẽ được Toà án giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự.

7. Ông Nguyễn Văn Ch có trách nhiệm tự tháo dỡ, di dời phần diện tích xưởng sản xuất gỗ của ông có trên đất tập thể khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện chính sách quản lý về đất đai đối với diện tích 17m^2 đất gia đình ông Nguyễn Xuân D đang quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

8. Không giải quyết đối với hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa gia đình ông Nguyễn Xuân D với ông Đỗ Văn Đ và ông Nguyễn Văn Ch. Trường hợp các bên có tranh chấp và có đơn khởi kiện sẽ được Toà án giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

9. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân D và ông Nguyễn Văn Nh mỗi người phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông D và ông Nh thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí phải nộp.

10. Về quyền kháng cáo:

10.1. Ông Nguyễn Xuân D và ông Nguyễn Văn Nh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

10.2. Ông Nguyễn Văn Nh1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án về phần có liên quan.

10.3. Bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Ph, anh Nguyễn Văn Nh3, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị L, các cháu: Nguyễn Văn B, cháu Nguyễn Thị M và cháu Nguyễn Văn Ph (Là các con ông B, bà L và do ông B, bà L đại diện) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ về phần có liên quan.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- TAND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS. huyện Đông Anh;

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Lân

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Lân